

CHÙA ĐÀO XUYÊN, PHÁI LÂM TẾ - MỘT VÀI SUY NGẪM

BÙI THẾ QUÂN*

Chùa Đào Xuyên nằm tả ngạn sông Nghĩa Trụ, thuộc địa phận thôn Đào Xuyên xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Chùa Đào Xuyên nổi tiếng với pho tượng Quan âm Nam Hải có phong cách nghệ thuật Mạc (thế kỷ XVI) và những công trình kiến trúc, nghệ thuật tạo tác tượng tròn qua các thời kỳ. Dưới góc độ khảo cổ học thì đây là vật chứng tiêu biểu góp phần xác định niên đại xây dựng ngôi chùa. Đứng ở góc độ dân tộc học mỹ thuật thì đây là một kiệt tác thẩm mỹ và có sự nhìn nhận về bối cảnh xã hội đương thời. Nhưng chùa Đào Xuyên còn được biết đến với tư cách một “Chốn sơn môn” của Nam phần tỉnh Bắc Ninh - một nhánh của phái Lâm Tế và đến nay cứ vào ngày 24 tháng 2 lịch trăng, hội Sơn Môn lại tổ chức giỗ tổ tại chùa Đào Xuyên.

Trong bài viết này, tôi không có tham vọng nhiều mà chỉ xin được sơ bộ tìm hiểu về chùa Đào Xuyên với chi phái Lâm Tế với một vài suy ngẫm.

CHÙA ĐÀO XUYÊN - SỰ HÌNH, QUÁ TRÌNH TỒN TẠI TRƯỚC KHI LÀ MỘT SƠN MÔN CỦA PHÁI LÂM TẾ:

1- Niên đại khởi dựng:

Theo *Chùa Việt* của Trần Lâm Biên (Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1996), cho biết: Cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, triều đình nhà Lê lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống và do vậy vào thế kỷ XV, Phật giáo bị chính quyền hạn chế, ngôi chùa không còn điều kiện phát triển. Trước đó, trong cuộc chiến tranh xâm lược, giặc Minh đã tàn phá khá nhiều ngôi chùa. Và như thế, Phật giáo bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu, ẩn mình nơi thôn

dã. Sang thế kỷ XVI, nhà Mạc đã mở đầu cho giai đoạn mới. Trên bình diện mỹ thuật, đó là thời kỳ mở đầu của nền nghệ thuật dân gian phát triển. Sự vươn lên của nền kinh tế, trong đó là sự phát triển của thương mại gắn với thương thuyền, với mặt nào đó, tư tưởng được cởi mở hơn, khiến cho các tôn giáo, tín ngưỡng có điều kiện phục hồi và phát triển. Ngôi chùa và các kiến trúc khác đương thời đã phát triển mạnh mẽ dọc theo các đầu mối giao thông đường sông.

Tác phẩm *Chùa Việt Nam* (trang 33), tác giả Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kỵ, Phạm Ngọc Long (Nxb. Thế giới, 2008) cho biết: “Nói đến kiến trúc Mạc là nói đến sự bắt đầu hưng thịnh của kiến trúc đình làng (như các đình Lỗ Hạnh, Tây Đằng...) nhưng không ít ngôi chùa được trùng tu và xây dựng trong thời kỳ này. Các kiến trúc và điêu khắc thời Mạc dường như có ý thức trong việc thừa kế truyền thống Trần nhưng một phong cách dân gian đã bắt đầu phát triển. Nhiều ngôi chùa như chùa Cói, chùa Thượng Trung, chùa Hạ (Vĩnh Phúc), chùa Ninh Hiệp, chùa Đa Tốn (Hà Nội), chùa Mễ Sở, chùa Đông Ngộ (Hưng Yên)... cùng rất nhiều chùa khác đã được tu bổ hay làm mới trong thế kỷ XVI, dưới thời Mạc...”

Dưới khảo sát thực địa và trên thực tế thấy rằng, một trong những chi lưu của sông Hồng là dòng sông Nghĩa Trụ. Dọc theo bờ dòng sông có những ngôi chùa tiêu biểu được xây dựng dưới thời Mạc như chùa Minh Ngộ (xã Kiều Ky) hiện còn nhang án đá; chùa Đào Xuyên (xã Đa Tốn) với pho tượng Quan âm Nam Hải; chùa Cầu Bâu (phường Thạch Bàn) có bia đá lập năm Hoàng Định 10 (1609) nói về việc xây dựng chùa; chùa Lê Mật (phường Việt Hưng) còn bộ

* Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin quận Long Biên, Hà Nội

tượng Tam thế và nhiều ngôi chùa khác.

Chùa Đa Tôn chính là chùa Đào Xuyên (thuộc thôn Đào Xuyên, xã Đa Tôn), chùa có tên chữ là Thánh Ân (聖恩). Nội dung bài minh văn tại bia đá dựng năm Ất Hợi, niên hiệu Đức Long (1635) có viết: “Đất Bắc nước Việt, có chùa Thánh Ân, nhân bồi nền cũ, xưa có hình kim...”. Như vậy xưa kia, trước thế kỷ XVII, chùa vốn được khởi dựng hình chữ “Kim” (金) và như vậy qui mô chùa vốn không lớn lắm. Bằng vào sự quan sát, có thể lúc khởi dựng chùa chỉ thờ Quan âm Nam Hải với pho tượng có 42 đôi tay lớn và 652 tay nhỏ (đặt giữa trung tâm Phật điện và hiện nay vẫn vậy). Chùa nằm sát bờ sông Nghĩa Trụ (đoạn chày qua Đa Tôn còn gọi là sông Đào - Đào Xuyên) với tư cách để bảo hộ hay bảo trợ cho thương thuyền qua lại (Quan âm Nam Hải chủ yếu gắn với thương nhân/thương mại). Đây là một huyết mạch thông thương thứ yếu từ Thăng Long/Kê Chợ về trung tâm Dâu. Vì rằng đoạn dưới chùa khoảng 500 m có miếu Cầu Vương, trong tâm thức người dân Đa Tôn vẫn truyền miệng câu:

Cầu Vương có chốn thanh nhàn

Có sông tắm mát, có hàng nghỉ ngơi

Tháng Tám thì đi xem bơi

Tháng Hai xem hội, tháng Mười đúc chuông

Có thể khẳng định rằng, chùa Đào Xuyên được xem như đại diện tiêu biểu cho các ngôi chùa được xây dựng dưới thời Mạc và ra đời trong bối cảnh kinh tế thương mại có phần phát triển gắn với giao thông đường thủy và cả việc bước đầu người Việt khai thác một cách mạnh mẽ con sông Hồng nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế thương mại. Để rồi, khi các trung tâm thương mại ấy phát triển và thông thương với nhau đã xuất hiện câu đồng dao:

Lênh đênh hai, ba mũi thuyền kẻ.

Thuyền ra sông Nhị, thuyền về sông Dâu

2- Quá trình tồn tại đến trước khi trở thành một Sơn Môn của phái Lâm Tế:

Từ khởi dựng và cho đến đầu những năm 30 của thế kỷ XVII, chùa Đào Xuyên cũng chỉ là một ngôi chùa có quy mô nhỏ và phục vụ chủ yếu của “giới thương nhân” như đã nhận định ở phần trên. Ở đầu thế kỷ này, ngôi chùa vẫn được duy trì và phát triển bình thường. Trong bối cảnh lịch sử xã hội đương thời (dưới thời Trịnh Tráng), biến cố chiến tranh Nam - Bắc triều (Lê - Mạc) vừa chấm dứt được ít lâu thì bọn thống trị lại đẩy dân tộc vào cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Sự sa đọa và những hành động



Quan Âm Nam Hải, chùa Đào Xuyên - Ảnh: Quốc Vụ

tiêu cực của tầng lớp vua quan đã đưa lòng tin Nho giáo ở nước ta vào tình trạng khủng hoảng chưa từng thấy. Đó là điều kiện để cửa chùa cần được “mở rộng”. Phật pháp đương thời như một cứu cánh cho hệ tư tưởng xã hội. Nhiều người ở tầng lớp trên cũng “núp bóng” Phật đài. Giai đoạn này là thời cơ để các tông phái Lâm Tế và Tào Động du nhập vào nước ta một cách mạnh mẽ. Tình hình như vậy, tất nhiên ngôi chùa được quan tâm hơn. Ở làng Ngoài, sự tham gia của các tầng lớp trên (thường là các ông hoàng, bà chúa, quận công...) đã tạo cho nhiều ngôi chùa có một quy mô mới, kang trang, rộng rãi mà tiêu biểu là các chùa Quỳnh Lâm, Bút Tháp, Thày, Dạm, Phật Tích, Keo... trong đó có chùa Đào Xuyên.

Văn bia “Hưng công chùa Thánh Ân” lập năm Đức Long thứ 7 (1635) tại chùa Đào Xuyên có ghi rõ việc hưng tạo chùa như sau:

“Hưng công chùa Thánh Ân

Tựa bài minh bia hưng công chùa Thánh Ân”

Thường nói rằng chùa là nơi đất phúc. Phạm tích đức để làm nền tảng cho điều thiện. Bởi vậy mà Đỗ thượng thư và Thôi đại phu đều xây dựng cầu sông, còn Lý tướng công hưng tạo cảnh chùa vậy. Phật hay người xưa đều lấy tích đức làm nền tảng cho hành thiện, cho mọi sự

sáng suốt và nên ghi nhớ điều này. Chùa Đào Xuyên, xã Đào Xuyên, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc thật là nơi cổ tích danh lam. Phía Đông có dải nước châu về, phía Tây có con sông như rồng ẩn bao lấy, sau là phía Bắc có miếu đường cổ kính châu lại, phía Nam chéch phải có làng quê bao bọc. Thế hình cổ kính như vậy đích thị nơi thắng cảnh của Kinh Bắc. Dân cầu nước muốn nay đã có anh linh, bởi do đổ nát lâu ngày cần bảo tồn, lại càng không phé bỏ mà cần phải xây dựng lại. Nay có bà họ Hoàng trong vương phủ là người xã Cống Xuyên, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, đạo Nam Sơn phát tâm công đầu cùng muốn khai sáng giả lam, đem hết tài sản hưng tạo chùa, việc này đã lôi kéo sự đồng tình, sự đóng góp công của của nhân dân trong xã. Vì thế, đến tháng 2 năm Nhâm Thân (1632), việc trùng tu chùa đã hoàn thành. Các kiến trúc bao gồm: Thượng điện, hậu đường, tả hữu hành lang, tam quan, tạo dựng một tòa thánh tượng và trùng tu cầu, tất cả được chạm khắc nguy nga, cột trụ chót vót. Công ấy, đức ấy xem ra với tiền thế há chẳng phải là thịnh sao. Nay đức ấy cần phải ghi lại vào bia đá để cho hậu thế biết và mến thiện hướng về chùa. Chính vậy, bài khắc ghi công đức trong minh bia bắt hủ để cho muôn ngàn đời.

Bài minh viết rằng:

Đất Bắc nước Việt - Có chùa Thánh Ân

Nhân bồi nền cũ - Xưa có hình kim

Thời thế đã lâu - Cột tượng xiêu vẹo

Có Hoàng nội phủ - Lòng thành mến thiện

Xẻ cây đào gỗ - Đốc thúc công trình

Quy mô hoành tráng - Chế độ nguy nga

Dân cầu nước đảo - Rất là linh ứng

Ngậm giúp vận nước - Phúc khắp chúng sinh

Công ấy đức ấy - Khắc đá làm minh

Hưng công hội chủ vương phủ nội cung Hoàng Thị Ngọc Nhất tự Minh Bảo Nghiêm Đức diện dung Bồ tát.

Con trai: Hậu hành trung cơ phó tướng thiếu truyền Tô quận công Trịnh Hán. Hữu hành phó tướng thiếu truyền Cách quận công Trịnh Bồng.

Con gái: Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Nhuận, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Trinh.

Nguyễn Thị Ngọc Nga hiệu Pháp Bảo, người xã Cao Dương, huyện Gia Phúc, phủ Hạ Hồng cùng góp công đức.

Bia lấy ngày lành tháng 3 năm Ất Hợi, năm thứ 7, niên hiệu Đức Long (1635). Người soạn bia là sư trụ trì hiệu Huệ Trung”.

Văn bia trên là nguồn tư liệu chân thực, chính xác quá trình mở rộng quy mô chùa Đào Xuyên và cũng là sự kiểm nghiệm những nhận định nêu ở phần trên. Theo khảo sát thực tế, chùa Đào Xuyên hiện còn lưu giữ pho tượng Quan âm Tọa sơn có phong cách nghệ thuật Lê (thế kỷ XVII). Đây cũng là kiệt tác mỹ thuật tạo tác tượng tròn.

Những thông điệp nêu trên chỉ cho ta biết đến quá trình tồn tại và mở rộng quy mô chùa trong bối cảnh xã hội đương thời, mặc dù tông phái Lâm Tế và Tào Động đã được du nhập vào nước ta trong giai đoạn này. Tuy nhiên, đây cũng là điều kiện về cơ sở vật chất để chùa Đào Xuyên có những đón nhận thế cuộc đương thời và hậu thế.

Sang thế kỷ XVIII, chưa tìm thấy nguồn tư liệu nào nhắc đến hay minh chứng cho quá trình tồn tại của chùa Đào Xuyên. Trên thực tế cũng không thấy một bằng chứng vật chất nào. Có khả năng, vào thế kỷ XVIII, chùa Đào Xuyên vẫn tồn tại như nhiều ngôi chùa khác (tuy nhiên là các hoạt động tôn giáo có sự tác động của xã hội đương thời).

Sau khoảng 150 năm hưng công, ngôi chùa xuống cấp. Trong văn bia lập vào thời Nguyễn hiện còn tại chùa như bia lập năm 1863 có nói đến việc tô lại tượng Phật. Đáng lưu ý, văn bia lập năm Thiệu Trị (1846) có đoạn ghi như sau: “Lý trưởng, khán thủ, chức dịch xã Đào Xuyên, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An cùng toàn xã: nguyên do là ngày 15 tháng Giêng, niên hiệu Minh Mệnh thứ 10 (1829) có quan trên về. Dân tình trong xã đói khổ, xã không có tiền chi biện. Người trong xã là Đỗ Thị Y ứng ra 100 quan tiền cho dân chi biện. Bản xã nghĩ tới công đức ấy, theo lời xin của bà cho bà được gửi giỗ tại chùa để biểu dương công của bà. Bà Y lại giao cho 6 giáp 3 mẫu ruộng tốt, 18 quan tiền, 7 sào ruộng chùa để cung ứng vào việc giỗ...”. Đặc biệt, minh văn chuông đồng lập ngày 24 tháng 2 năm Tân Mùi (1871). Bài minh văn do Nguyễn Duy Kiên, quan phủ Nam Sách nghỉ hưu tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm soạn. Sư trụ trì là tỳ khưu, tự là Phổ Văn, tên tục là Trần Quốc Giảng, quê ở xã Đông Mạc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Điểm lưu ý ở đây là sự xuất hiện tên của sư trụ trì Trần Quốc Giảng, tự là Phổ Văn và Pháp danh này được xuất hiện tại văn bia lập năm 1942 (Bảo Đại thứ 17). Vậy văn bia nói lên điều gì?

Sự kiện vào năm 1942, chùa Đào Xuyên tổ

chức thành lập hội Sơn Môn để tưởng nhớ đến công ơn của hai vị Pháp tổ, đồng thời nhằm củng cố sự đoàn kết của Phật tử trong Sơn Môn. Văn bia lập năm 1942 có ghi lại rằng: "... Sơn Môn do từ hai vị Pháp tổ lòng thành... Không nỡ để thấy sự đau buồn khổ nạn của con người, sự trầm luân của kiếp đời, mở trường thuyết pháp truyền đạo dẫn người đã nhiều năm rồi. Sau đó nhị bộ tăng ni trụ trì các chùa trong Sơn môn tuy có chia dòng phái nhưng cùng ra đời một nguồn. Vì vậy mà khởi lập Sơn Môn, xây dựng hội viên theo, lấy thời kỳ hội họp lưu truyền rộng rãi để khỏi lãng quên công đức tiền nhân. Như vậy những người có công đến với Sơn Môn, những người đã quá cố đều được kỷ niệm. Làm cho người đời sau trăm năm sùng bái, bốn mùa cúng dàng, đường bệ trang nghiêm hương hoa cúng lễ. Phàm những vị tăng ni hội viên của hai bộ đã quá cố cũng được nhờ cậy sự linh thiêng của Phật tổ mà hàm hưởng sự thanh khiết này, há chẳng phải là việc thiện ư...", bài minh tụng rằng:

Nam vô hai vị Pháp tổ

Vui với điều thiện là lòng thành vốn có

Công và đức không sao lường nổi

Lưu lại để tế độ cho con người

Đức lớn như sông Nghĩa (Trụ)

Công đúng như thành trì bia cổ

Người sau đáng kỷ niệm

Chư Phật sẽ chứng minh

Trong văn bia có đoạn còn cho biết: "... Đệ nhất tổ họ Trần, húy là Quốc Giảng, tên tự là Phổ Văn, quê ở Tức Mạc, phủ Thiên Trường, dòng dõi tôn thất nhà Trần, xuất gia từ tuổi 18. Đầu tiên tu ở chùa Linh Quang, đất Long Thành, rồi sang tu ở chùa Thánh Ân, thôn Đào Xuyên, huyện Gia Lâm, mở trường thuyết pháp khoảng 50 năm, hưởng thọ 80 tuổi. Tổ thứ hai họ Hoàng, húy Chính, tên chữ là Thông Mệnh, quê ở làng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, tiếp nối thuyết pháp tại chùa Thánh Ân khoảng 30 năm, thọ 60 tuổi..."

Trong "Lược soạn Linh Quang thiên phả" có đoạn viết:

"Nguyên do ông Đạo thống truyền lại: vốn nghe, trước trên hội Linh Sơn, đức Thế Tôn cầm bông hoa sen để nhắc bảo cho mọi người. Nhưng ngài Ca Diếp yên lặng mà hiểu đạo truyền, miệng mở một nụ cười giác ngộ. Đức Thế Tôn bèn truyền cho Ngài tâm ấn. Ngài Ca Diếp trở thành đệ nhất tổ xứ Tây Thiên Trúc. Tương truyền lần lượt truyền cho các đời đến

Đạt Ma là tổ thứ 28.

Rời Đạt Ma truyền đạo sang xứ Đông Thổ (ở Trung Quốc) là sơ tổ chốn ấy. Truyền đến đời thứ 6 là Huệ Năng trở thành Lục tổ. Từ đó về trước chỉ truyền Y Bát cho nên đạo Phật qui về một mối thống nhất. Nhưng đến Huệ Năng không truyền Y Bát nữa mà chỉ truyền Pháp. Cho nên từ đó phân ra hai chi Tả - Hữu. Chi Tả là chi Nam Nhạc, chi Hữu là chi Thanh Nguyên. Tiếp theo Nam Nhạc là Mã Tổ. Từ Mã Tổ thiên sư về sau phân ra hai phái Lâm Tế và Chạc Ngưỡng. Chạc Ngưỡng đến đời thứ 5 thì thất truyền.

Tiếp theo Thanh Nguyên là Thạch Đầu, từ Thạch Đầu về sau phân ra Tào Động - Vân Môn- Pháp Nhãn, gồm 3 chi. Đến đời thứ 3 của Pháp Nhãn thì truyền vào Cao Ly. Từ đó, đại gia đình Phật giáo gồm 5 tông phái lớn.

Nay ở Hà Nội, phái ở Linh Quang (Bà Đá) nối tiếp hai phái Tào Động và Lâm Tế. Vốn nghe phái Tào Động truyền đến nước ta có Tổ đệ nhất là Hòa thượng Thủy Nguyệt, sau đó truyền vào chùa Hồng Phúc ở phường Hồ Nai, tỉnh Hà Nội cho Hòa thượng Chân Dung Tông Diễn. Giữa đời vua Lê niên hiệu Chính Hòa truyền sang Tổ thứ 3 là Hòa thượng Tính Giác Từ Sơn. Tiếp tục truyền sang Tổ thứ 4 là Hòa thượng Tính Chúc Đạo Chu, ngài là Thủy tổ chùa Linh Quang. Từ lúc còn nhỏ đến khi trở thành Hòa thượng luôn thụ giới Cụ Túc, sau đến bầm với Hòa thượng Trạm Công tại chùa Tam Huyền ở Nhân Mục.

Phái Lâm Tế truyền đến đời thứ 15, bên cạnh chi thứ có một người hiệu là Bích Phong Tổ sư. Truyền rằng phái Lâm Tế có bài kệ gồm 48 chữ, đó là: "TRÍ HUỆ THANH TỊNH - ĐẠO ĐỨC VIÊN MINH - CHÂN NHƯ TỊNH HẢI - TỊCH CHIẾU PHỔ THÔNG - TÂM NGUYÊN QUẢNG MỤC - BẢN GIÁC XƯƠNG LONG - NĂNG NHÃN THÁNH QUẢ - THƯỜNG DIỄN KHOAN HOÀNG - DUY TRUYỀN ÁN PHÁP - ĐĂNG NGỘ HỘI DUNG - KIẾN TRÌ GIỚI HẠNH - VĨNH CHIẾU TÔ TÔNG". Mỗi chữ gắn với tên đầu của một vị Pháp tổ.

Một chi từ chùa Linh Quang sang Đào Xuyên - Đa Tốn là sư tổ pháp danh Phổ Văn, tiếp theo đến là tổ Thông Mệnh. Trong suốt 80 năm trời, hai vị Pháp tổ đã mở trường thuyết pháp cho khắp các đệ tử ở Nam phần tỉnh Bắc Ninh..."

Thông qua các tư liệu và khảo sát nghiên cứu chùa Đào Xuyên trong quá trình hình thành tồn tại và phát triển một cách khái lược nêu trên,

có thể đưa ra một vài suy ngẫm và nhận định như sau:

1. Chùa Đào Xuyên được xây dựng dưới thời Mạc, trong bối cảnh xã hội có sự cởi mở và là điều kiện để các ngôi chùa mang tính dân dã ra đời. Cũng như nhiều ngôi chùa khác, chùa Đào Xuyên được xây dựng gắn với nền kinh tế có sự phát triển của thương mại/thương thuyền/thương nhân. Bằng chứng vật chất là khởi nguyên xây dựng, chùa chỉ thờ Quan âm Nam Hải.

2. Quy mô khởi dựng không lớn, mà “chùa cũ hình kim” nằm ven sông Nghĩa Trụ (sông Đào), trong chùa (chính Phật điện) có lẽ trọng tâm đặt pho tượng Quan âm Nam Hải để cho cư dân thương thuyền qua lại cầu cúng. Tuy nhiên, pho tượng với 42 tay lớn và 652 tay nhỏ, với tư thế động tác như múa, đỡ phía dưới đài sen có Ô Ba Nan Đà Long Vương như đại diện cho cả thế giới bên dưới qui y đạo pháp. Đây là hình tượng tạo tác tượng tròn Quan âm, là một trong vài pho tượng gỗ còn nhìn thấy được, sờ thấy được có niên đại sớm nhất nước ta và đây như là tiền đề (giai đoạn thai nghén) để sau gần 100 năm có một kiệt tác tượng Quan âm khác ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) ra đời. Tác phẩm Quan âm ở chùa Đào Xuyên cần phải được nghiên cứu kỹ hơn dưới nhiều góc độ, như: Khảo cổ học, Mỹ thuật, Dân tộc học... và cả góc độ Tôn giáo nữa.

3. Các tác phẩm điêu khắc tượng tròn có niên đại thế kỷ XVII hiện còn tại chùa, mà đặc biệt là pho tượng Quan âm tọa sơn lại là một điểm nhấn. Đi cùng nó là tư liệu liên quan đến việc tu sửa, mở rộng qui mô chùa vào những năm 30 của thế kỷ XVII do các cung tần, vương phủ hưng công. Đây cũng là tư liệu rất quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử nói chung và lịch sử làng xã nói riêng trong giai đoạn Lê - Trịnh và hơn nữa là góp phần bổ sung việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo giai đoạn này.

4. Trong khoảng 80 năm liên tục, hai vị Pháp tổ truyền bá, thuyết pháp tại chùa Đào Xuyên là một sự phản ánh vị thế/vị trí của dòng Lâm Tế trong dòng lịch sử Phật giáo trên đất Việt. Từ chốn tổ Đào Xuyên (có ảnh hưởng đến cả Nam phần tỉnh Bắc Ninh xưa) và kết nối với Linh Quang (Bà Đá), chùa Hạ Lôi (xưa thuộc Vĩnh Phúc, nay là Hà Nội)... và rất nhiều ngôi chùa khác liên quan, là “phần lỏi” để góp phần bù vào những điểm trống trong quá trình nghiên cứu lịch sử phái Lâm Tế trên đất Bắc, dù rõ ràng phái

Lâm Tế xâm nhập vào đất Việt, chủ yếu tồn tại phát triển ở đàng Trong.

5. Sự ảnh hưởng của chi Lâm Tế ở chùa Đào Xuyên đối với các chùa quanh vùng là khá rõ rệt. Nơi đây không chỉ là chốn tổ đào tạo các tăng ni trưởng thành, sau đó trụ trì các chùa khác, mà nó còn góp phần củng cố khối đoàn kết giới tăng ni, chúng đồ trong khối đại đoàn kết dân tộc.

6. Thông qua bài kệ 48 chữ lưu truyền của phái Lâm Tế thì rõ ràng hai vị sư tổ có gắn với các chữ như: chữ Phổ Văn (Phổ), Thông Mệnh (Thông) nhưng trên thực tế hiện nay, các sư theo dòng này không thực hiện truyền Pháp danh như trước nữa. Ví ngay sư trụ trì chùa Đào Xuyên là Thích Thanh Quy nhưng đệ tử của ông cũng dùng Pháp danh là Thanh: Thích Thanh Hải (chùa Bình Minh - Trâu Quỳ), Thích Thanh Minh (chùa Lệ Mật - Long Biên)... Nếu hiểu không cận kề thì đây là “thất truyền” vậy.

Xưa đạo Phật, tông ra tông, phái ra phái thì ngày nay hình như đạo Phật không còn như thế nữa. Kể cả người tu hành cũng vậy, chỉ biết đến mình xuất gia ở đâu, ai là người thụ giới chứ không hề để ý hoặc theo tông phái nào cả (!). Họ chỉ biết chùa đang tu giới trước đây có cái gì đấy liên quan đến sư tổ và đến ngày giỗ tổ thì có “trách nhiệm” về dự giỗ mà thôi.

Mặc dù trong thời gian qua, có một số chùa được xây dựng lại hoặc mở rộng quy mô do các sư theo dòng được gọi là “Thiền phái Trúc Lâm” từ Đà Lạt ra, nhưng khi tiếp cận và dự giảng pháp của một số chùa thì thấy nó na ná giống nhau và kiến trúc các ngôi chùa theo dòng “Trúc Lâm” thường xây 2 tầng đã phá mất cảnh quan của ngôi chùa truyền thống Bắc Bộ.

Có nhiều người hỏi rằng: đạo Phật hiện nay suy thoái phải không? Câu trả lời rằng: Đạo là “chân lý tuyệt đối” mà chỉ có người theo đạo hoặc gọi là đi theo đạo không giữ được giới đạo mà thôi. Còn đạo Phật từ khi du nhập vào Việt Nam đã gắn liền với lịch sử dân tộc, cùng dân tộc qua các thời kỳ lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Mặc dù những người theo phái Lâm Tế còn giữ được phong cách tu (cách thức tu) hay không như chùa Đào Xuyên và phái Lâm Tế đã và từng có mặt ở Việt Nam.

Qua tìm hiểu đôi chút về chùa Đào Xuyên và một chút về phái Lâm Tế cũng là một phần ôn lại lịch sử Phật giáo Việt Nam trong dòng chảy lịch sử dân tộc./